

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo

Pháp Sư Thái Hư
HT Thích Trí Thủ dịch

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh Thập thiện nghiệp đạo này, xưa nay có nhiều nhà giải thích; Nhưng gần đây tôi được đọc quyển “Thập thiện nghiệp đạo kinh giảng yếu” của ngài Thái Hư Pháp sư, thấy tóm tắt dễ hiểu, lời lẽ giản dị mà ý nghĩa đầy đủ, lại rất hợp với căn cơ hiện tại. Hàng Phật tử tại gia hay xuất gia muốn lợi mình lợi người, muốn đem hạnh phúc cho nhân quần xã hội, tạo thành một cực lạc thiên quốc giữa thế giới thực tại không thể không lấy kinh này làm kim chỉ nam.

Vậy nên tôi xin dịch lại quốc văn để cống hiến toàn thể Phật tử. Trong đây, ngoài chánh kinh, lời giảng giải có chỗ thêm bớt một vài phần cho thích hợp với xứ sở; có chỗ nào chưa thích đáng hoặc sai lầm, mong quý vị Thiện tri thức hoan hỷ chỉ giáo cho.

Dịch giả kính bạch.

Dịch xong mùa Thu năm Kỷ sửu

Phật lịch 2512 – 1949

Tại Phật học đường Báo Quốc

KINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

NGÀI THÁI HƯ PHÁP SƯ GIẢNG TẠI

HỘI PHẬT GIÁO CHÁNH TÍN Ở HÁN KHẨU (TRUNG HOA)

Lời bàn trước khi giảng kinh

Hôm nay giảng về kinh Thập thiện nghiệp đạo, trước khi giảng chánh văn, xin bàn qua mấy lời ở đầu kinh.

Chữ KINH của Phật giáo, nói cho đủ là Khế Kinh nghĩa là khế lý và khế cơ. Chữ khế nghĩa là hợp. Tất cả giáo điển của Phật đều kiến lập trên nguyên tắc ấy. Khế lý là hợp với lý chơn thật của tất cả muôn sự muôn vật, là tánh tướng chơn thật của muôn sự muôn vật, do trí huệ tuyệt đối của Phật tự mình chứng được; rồi đem chỗ thân chứng ấy khai thị cho mọi loài sanh linh đều được chứng nhập: ấy là Phật y theo nguyên tắc khế lý mà thuyết pháp vậy. Khế cơ là hợp với cơ duyên từng chủng loại, từng căn tánh, từng thời tiết như duyên. Đức Phật tìm phương tiện thích hợp với tất cả mọi loài mà thuyết pháp, chúng sanh đều được giác ngộ. Đủ hai nghĩa Khế lý và Khế cơ ấy gọi là Khế Kinh.

Nay căn cứ vào hai nghĩa ấy mà nói nghĩa đại khái của kinh này:

I. THIỆT NGHĨA CỦA KHẾ LÝ

Là nghĩa chân thật hợp với lý chân thật của muôn sự muôn vật, về tánh, về tướng vậy.

Thiệt nghĩa hợp với chơn lý, đây không vì thời gian mà biến đổi, không vì bờ cõi mà sai khác, không luận thời đại nào, địa phương nào, chủng loại nào, đều như thế cả. Nơi đây xin chia làm ba đoạn để nói về nghĩa chơn thật hợp lý của kinh Thập thiện nghiệp đạo này.

1) Thập thiện nghiệp là mục tiêu làm lành của thế gian và xuất thế gian.

“Nghiệp” là hành vi; “thập thiện nghiệp” là mười hành vi lành. Về thân có ba: không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục. Về ngữ có bốn: không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói thêu dệt. Về ý có ba: không tham lam, không sân hận, không ngu si tà kiến.

Hợp cả thân, ngữ, ý thành mười nghiệp lành, trái lại tức là mười nghiệp ác.

Thiện và ác không nhứt định, cần phải xem tính chất của nó mà định nghĩa. Nếu trong tâm thiện, thì phát hiện ra nơi hành vi lợi lạc cho chúng sanh, tức là thiện nghiệp. Tâm ác, thì hiện ra nơi hành vi làm tổn hại chúng sanh, tức là ác nghiệp. Hơn nữa, muốn biết thiện hay ác của mười nghiệp về thân, khẩu, ý, ta hãy xem sự kết quả về tương lai tốt hay xấu mà quyết định. Mười nghiệp lành này không những nơi hành vi lành của thế gian, mà trong kinh điển Phật đều nói đến; mười nghiệp lành này là cơ bản hành vi lành cả xuất thế gian nữa vậy. Ở thế gian thì do những hành vi lành này mà đi đến kết quả tốt đẹp về nhơn, về thiên. “Thiên” là trời, tức chỉ cho các chúng sanh ở về thế giới tốt đẹp hơn loài người; đó là sự kết quả của những người tu theo mười thiện nghiệp, vì tất cả phước báo của loài người và trời thành tựu được, đều do tu theo mười điều lành này. Thông thường người ta cho những hành vi đạo đức của loài người là theo năm giới trong Phật pháp của hàng tại gia thực hành. Nếu muốn sanh về cõi trời thì cần phải có hành vi đạo đức của thập thiện. Trời lại có ba cõi: cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Muốn sanh vào hai cõi sắc và vô sắc, lại cần tu theo tứ thiền bát định nữa mới được. Nhưng cũng căn cứ mười nghiệp lành này làm cơ bản; chỉ thêm một tầng nữa là cần phải có công phu tu các pháp thiền định nữa mà thôi. Cho đến các hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát phát bồ-đề tâm thoát ly ra ngoài tam giới, lợi lạc hữu tình, cũng không thể gì bỏ mười nghiệp lành này mà thành tựu được. Vì thế, giáo pháp đại thừa cũng đều thu tóm vào trong mười điều lành này. Nhờ có “giới” mới sanh thiền định, nhờ thiền định mới phát trí huệ. Cho nên, ở trong Thập địa bồ tát, Ly cấu địa về thứ hai, chính là nhờ Thập thiện

nghiệp mà thành tựu. Căn cứ vào thập thiện nghiệp này mà tinh tấn tu giới định, đoạn trừ cùng tột đến chỗ nhỏ nhiệm của mười nghiệp ác về thân, khẩu, ý; nhờ có định lực tăng cường, lòng không tán loạn, mới hoàn toàn thành tựu mười hạnh lành. Đi sâu vào một tầng công phu nữa, cho đến khi nhờ sức thiền định mà phát sinh trí huệ, cuối cùng đoạn trừ hết căn bản vô minh, đánh tan tà kiến, hoàn toàn thân chứng quả vô lậu chánh giác, đến đây mới là cứu cánh của thập thiện nghiệp đạo. Vì thế, sự nghiệp xuất thế của tam thừa thánh như hầu hết bao quát trong Thập thiện nghiệp. Chỗ chơn thiết công năng của Thập thiện nghiệp quyết định là như thế.

2) Thập thiện là chánh như tạo thành như gian và thiên quốc.

Thập thiện là chánh như tạo thành như gian và thiên quốc mà con đường thiết thực đi đến cảnh an lạc giữa thế gian cũng là Thập thiện. Nếu muốn đạt đến mục đích an lạc trong như gian, chính là phải làm theo các hành vi không sát hại, không trộm cắp... của thập thiện. Nếu ai thực hành theo mười thiện nghiệp thì không có việc gì là không thành tựu. Sự thảm khốc tương tàn tương sát của như loại, chính là do kết quả của hành vi mười nghiệp ác. Giả sử tất cả đều làm theo mười nghiệp thiện thì thế giới an lạc sẽ phát hiện ngay. Từ cá nhân cho đến đoàn thể, xã hội, rộng là thế giới, tạo thành một bể khổ mông mênh, chẳng biết đâu là bờ bến; đó đều là kết quả của sự không tu thập thiện! Trên hoàn cầu, đại phàm có chút tư tưởng, từ các nhà tôn giáo cho đến các nhà học vấn, ai cũng nuôi hy vọng tạo thành một thế giới an vui tương thân tương ái; nếu thực hành theo mười thiện nghiệp thì những lý tưởng thiên đường cho đến cực lạc đều phát hiện rất dễ dàng vậy; thuyết Đại đồng của Trung Quốc và lý tưởng Hoàng kim thế giới của người phương Tây sẽ thực hiện không khó; cốt yếu là đổi mười hành vi ác trở thành mười hành vi thiện. Hơn nữa, cũng có thể đổi cõi đời ác trước đây, trở nên cõi thanh tịnh an vui. Nhân loại ngày nay chính cần phải tinh tấn một cách bao quát cùng khắp. Ngài Lô Sơn Huệ Viễn bảo rằng: Thực hành theo mười thiện nghiệp này, từ cá nhân cho

đến một gia đình, một làng, rộng ra đến toàn quốc, thì phong tục được thuần mỹ, hình phạt được trừ bỏ, chính trị được an ninh, trở thành một quốc gia thái bình thịnh vượng v.v... như thế thì luật chính là mười thiện nghiệp, không luận thời gian nào, nếu muốn hưởng cảnh an vui, cần phải đi vào con đường ngay thẳng ấy. Phật dạy: “Trong bốn châu thiên hạ, Bắc-cu-lô châu là tự tại an vui hơn cả, chính là kết quả của mười thiện nghiệp vậy”. Lại nói : “Vua Chuyển luân thánh vương ra đời thời bốn bể thái bình, thiên hạ an lạc, nhơn gian đều tu theo mười thiện nghiệp ...” Thế cũng đủ chứng cho lý này vậy.

3) Thập thiện nghiệp là căn bản của Bồ-đề Niết-bàn

Hai quả chuyển y bồ-đề niết-bàn của tam thừa thánh nhân đều lấy mười thiện nghiệp làm căn bản. Vì mười thiện nghiệp là công năng ngăn đón các hành vi độc ác, triệt để đối trị tất cả hành vi bất thiện, tức là giải thoát sanh tử, chứng quả niết-bàn. Đoạn trừ hết mầm mống của mười ác nghiệp, thì công đức của mười thiện nghiệp mới phát triển đến viên mãn. Lại đem công đức ấy lợi lạc cho tất cả thế giới chúng sanh tức là viên mãn quả đại bồ-đề; đây cũng là một định luật. Lẽ dĩ nhiên, không thể bỏ mười thiện nghiệp, hoặc chưa viên mãn mười thiện nghiệp, mà có thể chứng Tam thừa thánh nhân được. Đã nói lược qua phần Khế lý, dưới đây nói phần Khế cơ.

II. ỨNG DỤNG CỦA KHẾ CƠ

Đức Phật thuyết pháp, bao giờ cũng thích ứng với căn cơ chúng sanh. Nay giảng kinh Thập thiện nghiệp đạo này cũng chính là đem phương pháp ứng theo thời cơ mà đối trị, hầu mong cứu vãn sự khổ não thảm khốc của thế giới chúng sanh; vì rằng muốn đối trị thống khổ đau thương trở thành an vui hạnh phúc, ngoài thập thiện ra, không thể tìm phương pháp gì hơn nữa.

Đây cũng chia làm ba đoạn mà giảng.

1) Đối trị bệnh dong ruổi theo bề ngoài mà bỏ quên nơi mình, để trở lại tu nơi mình.

Hiện tại thế giới đang ở trong bầu không khí ác liệt, thiên tai như họa. Nhân loại đang quay cuồng trong vòng thống khổ, chưa biết đến đâu là bờ bến. Phương pháp cứu vẫn không gì hơn là thiết thực tu hành theo mười thiện nghiệp. Ta không nên oán trời, trách người và cũng không nên dong ruổi kêu cầu đâu xa lạ; trách nhiệm chính ở nơi ta. Ta cũng không nên đổ lỗi cho hoàn cảnh, hoặc cho người nào, hoặc oán trách chế độ xã hội bất lương, hoặc bắt tội điều kiện vật chất không đầy đủ; không biết tự trách mình; cứ mong cầu ở bên ngoài. Nếu cả thế giới mọi người đều có tư tưởng như thế thì ai là người đứng ra chịu trách nhiệm? Nhưng dù có người chịu trách nhiệm đi nữa mà ta không chịu đảm nhận tự lập ở nơi ta, người nào mắc lấy bệnh này, thật không có thuốc gì chữa được. Lại còn có những hạng người không mong cầu ở nơi người, không mong cầu ở nơi vật, mà chỉ cầu với Thượng đế hay Quỷ thần cho đến tin Phật mà cũng không ngoài mục đích cầu khẩn ấy; rốt cuộc chỉ là bắt bong bóng giữa hư không mà thôi. Chơn ý nghĩa của Phật pháp là dạy cho người ta hiểu biết chơn lý nhân quả, để trở lại cầu chính ở nơi mình. Như hồi tại thế, em Phật là A-nan, tưởng ý lại vào Phật là được thành Phật, có nói rằng: “Thế nào Phật cũng ban cho phép tam muội” (huệ nhãn tam muội). Không chịu tự mình tu tập, rốt cuộc không khỏi mắc nạn với nàng Ma-đăng-già. Trong hàng đệ tử Phật, ngài A-nan là đa văn đệ nhất, mà hoàn toàn không ý lại được nơi Phật. Vậy nên biết, Phật pháp hướng trách nhiệm về tự thân cả.

Nếu xa bỏ mình, cầu cứu với trời đất Quỷ thần, mà muốn cải tạo thế giới xã hội, thì quyết định không thể nào được. Trước hết, cần phải đem mười ác nghiệp ở trong tự tâm, đổi thành hành vi thiện, vậy sau cầu Phật mới có hiệu quả. Xưa Khổng tử bị bệnh, Tử Lộ xin cầu đảo, Khổng tử bảo: “Khuru này đảo đã lâu rồi vậy”. Chính Nho học cũng thừa nhận sự ngoại cầu là vô dụng; phương pháp cốt yếu chỉ là tự

mình phát tâm chơn chánh thực hành, rồi lần lượt khuyên mọi người làm theo mười thiện nghiệp mới mong vẫn hồi được nhân tâm thế đạo.

2) Đối trị bệnh nói suông, chuyên trọng thực hành.

Hiện tại người ta cao đàm hoạt luận thuyết này thuyết nọ. Nào là nhân quyền, nhân đạo, việt thánh siêu phàm v.v. ... Nhưng xét hành vi thực tế, không những không đem lại cho nhân quần một tia sáng gì gọi là siêu hiền việt thánh, trái lại càng nói lại càng làm cho nhân loại thống khổ thêm. Thậm chí con người không có giá trị là con người nữa là khác. Bệnh nói suông cao đàm hoạt luận này, đã thành một bệnh thông thường cùng khắp đây đó ở dưới vòm trời. Cũng vì thế, xã hội chẳng có gì đáng gọi là đẹp đẽ; càng hô hào, càng vang dội, sự thực hành lại càng vô lực, mà sự nguy hiểm lại càng gấp bội hơn lên. Ông Mạnh Tử bàn về việc ông Y Doãn giam ông Thái Giáp, nói rằng: “Có chí như Y Doãn thời được, không chí như Y Doãn thời oán nghịch vậy” ở đây nên thêm vào một câu: “Có tài năng như Y Doãn thời được, không có tài năng như Y Doãn thời nguy vậy”.

Bởi thế, chỉ có lớn lời khoe khoang không nhắm đích thực hành mà bảo rằng, trị đời thì càng trị lại càng loạn thêm. Ví như trên đầu đội tảng đá ngàn cân mà nhảy múa, kết quả không nguy hiểm đến tánh mạng là ít lắm. Không những trị đời như thế mà người học Phật cũng vậy. Như một hạng người cuồng vọng đầu miệng khoe khoang cao đại, không kiêng kỵ gì, tự bảo mình là Phật rồi không sợ hãi gì nữa, tha hồ đàm huyền, thuyết diệu, mà cử chỉ thì không hiệp đạo một chút nào. Muốn dẹp trừ bệnh điên cuồng ấy, cần phải thực hành theo mười thiện nghiệp; trái lại, dù cho có tự xưng là đại-kỹ-thuật, đại-học-vấn cũng chẳng qua ma lực làm trợ duyên dắt dẫn làm sa rớt vào tam đồ ác đạo mà thôi, không thể nào thành được hạnh bồ-tát chân chánh Phật tử.

3) Đối trị với hạng người hy vọng cao xa mà phước đức bạc bẽo để tô bồi nên phước đức.

Hiện tại người ta lòng đã muốn so sánh với trời cao, mà phước mạng khác nào như giấy mỏng; không chịu tự tu phước đức, khi nào cũng muốn đàn áp người khác để nâng cao giá trị của mình. Nếu không biết thay đổi cõi lòng, vâng theo pháp thập thiện để trau dồi đức hạnh thì hy vọng cao xa chừng nào lại càng hạ thấp mình xuống chừng ấy. Không biết nương dựa vào đâu để cứu vớt, lòng hy vọng cao xa không phải là xấu, nhưng cốt yếu là phải tô bồi đức hạnh cho xứng mà thôi. Vô lượng công đức Phật quả, oai thần tự tại của hàng thiên long v.v... đều do phước đức tu thập thiện mà thành tựu cả.

Nếu chỉ có hy vọng cao xa mà không tu thiện nghiệp, vun trồng cõi đức, thì trọn ngày chỉ ra vào trong phiền não, quyết không thể nào kết quả tốt được mà còn đào thêm hầm thống khổ nữa là khác. Ai là kẻ muốn cứu đời giúp người, càng nên lấy phước đức làm căn bản. Xưa có một vị pháp sư giảng kinh rất giỏi, mà rất ít người nghe, sau gặp một vị thánh tăng bảo rằng: “Nhà ngươi chỉ thiếu phước đức, từ nay nên siêng tu đức hạnh, làm nhiều việc lợi ích cho người”. Pháp sư y theo lời dạy mà làm, về sau thuyết pháp quả như lời thánh tăng dạy, rất được nhiều người nghe theo. Vì thế, thiết tưởng ở đời muốn lập đại công, kiến đại nghiệp, quyết phải tô bồi phước đức tu tập theo pháp thập thiện, để làm kim chỉ nam, lợi mình và lợi người, mới hoàn toàn thỏa mãn ý muốn.

A. GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC

Phật thuyết kinh Thập thiện nghiệp đạo. Đời nhà Đường ngài Thiệt-xoa Nan-đà nước Vu Điền dịch Phạn văn ra văn Trung Hoa.

Đại khái giáo điển đạo Phật chia làm ba tạng: Kinh, Luật, Luận. Đây thuộc về Kinh tạng.

Như trên đã nói, KINH là KHẾ KINH, nghĩa là những lời giáo huấn đúng chân lý, hợp lẽ phải, thuận căn cơ, một khuôn khổ bất di bất dịch. Kinh này do Phật dạy nên gọi là PHẬT THUYẾT. Phật đây chính là ứng thân Phật Thích Ca Mâu Nigíáng sanh cõi Trung An Độ, đầy đủ vô lượng phước đức trí huệ, cứu cánh viên mãn đồng như hư không, khắp cả pháp giới, ai cũng tôn kính. Thích-ca là họ của ngài, Tâu dịch là Năng nhơn, Mâu-ni là tên của ngài, Tâu dịch là Tịch mặc. Y theo bản nguyện, thuận theo căn cơ chúng sanh mà khai thị tiếp dẫn mới nói kinh này lấy tên là THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH, mười điều thiện sẽ giảng rõ ở sau kinh văn. Chữ NGHIỆP tức là hành vi, là những hành vi về đạo đức học, về luân lý học; theo Phật pháp có thể gọi là thiện hạnh học. Muốn định nghĩa chữ THIỆN NGHIỆP cần phải căn cứ vào những hành vi đối với không gian, có lợi ích cả mình lẫn người, và đối với thời gian hiện tại vị lai đều có lợi ích. Nếu trái lại biết lợi mình, không biết nghĩ đến kẻ khác, hoặc là tham lợi chỉ trước mắt, không nghĩ đến thiệt hại về sau, đều thuộc về ác nghiệp cả. Lấy mục đích lợi tha thiện nghiệp làm lợi ích chung của đại chúng, kết quả cả mình và người đều lợi; lấy mục đích hại tha ác nghiệp làm tổn hại cho đại chúng, kết quả người và mình đều hại. Nội dung của thiện ác, đại khái như thế. ĐẠO tức là con đường đi, THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO tức là con đường quang minh chính đại đi đến cảnh giới an vui, không tối tăm hiểm trở như con đường thập ác. Đi trên con đường thập thiện nghiệp, chắc chắn sẽ đến quả an vui của cõi trời, cõi người, hơn nữa có thể đạt đến Tam thừa Thánh quả. Cho nên, gọi là “thập thiện nghiệp đạo”.

Người dịch : (Ghi chú của Hòa thượng)

Kinh này Phật thuyết dưới Long cung chép bằng Phạn văn. Đời nhà Đường, ngài Thiệt-xoa Nan-đà nước Vu Điền dịch qua văn Trung Hoa. Nước Vu Điền tức là tỉnh Tân Cương bây giờ, về đời Đường chưa thuộc bản đồ Trung Quốc. Ngài thông cả tam tạng, đã từng dịch kinh “Bát thập Hoa nghiêm” đồng thời có ngài Nghĩa Tịnh Tam tạng cũng dịch kinh này

đặt tên là “Phật thuyết Hải long cung Đại tạng kinh”. Do đó, ta có thể tin chắc chắn kinh này, đối với lịch sử đúng sự thật do Phạm văn dịch lại.

B. GIẢI THÍCH KINH VĂN

ĐOẠN I: CHỨNG TÍN – THUỘC VỀ TỰ PHẦN

Tôi nghe như vậy, một thời Phật ở tại Long cung Ta-kiệt-la, cùng tám ngàn chúng Đại tỳ kheo, ba vạn hai ngàn các vị Bồ-tát Ma-ha-tát đông đủ.

Đoạn văn này là lời tín sử bằng chứng cho kinh này là ai nói, nói tại chỗ nào, về thời kỳ nào, và vì ai mà nói; do ngài A-nan sau khi kiết tập kinh điển đã ghi chép lại.

TÔI NGHE tức là ngài A-nan tự xưng, nghĩa là tự Ngài thân hành trực tiếp trước Phật mà nghe, chứ không phải nghe người khác nói lại. NHƯ VẬY chính là chỉ cho kinh này. MỘT THỜI tức là thời gian thích hợp Phật cần phải dạy kinh này, người nói và người nghe đều được hiệp ý. Ở đây không ghi lại năm, tháng, ngày giờ, là vì tứ phương quốc độ niên lịch bất đồng, nên giảm mà không nói. LONG CUNG chính chỗ Phật nói kinh này. PHẬT là chỉ cho đức Thích-ca Mâu-ni. Ngài là giáo chủ đời hiện tại, chính ngài nói kinh này. TA-KIẾT-LA Tàu dịch là Hàm hải, ở dưới bể nước mặn, có cung điện Long vương, chúa của loài rồng ở đó. Trong kinh Phật thường nói đến loài long, khác với loài long thông thường người ta nói, có thể làm mây làm mưa được. Ở trong kinh Phật, loài long có nhiều loài: loài ở trên không, loài ở trên cạn, loài ở dưới biển v.v... Long cung ở đây tức là loài long ở dưới biển vậy. Thông thường người ta cho rằng: long là một loài động vật có đủ thần thông biến hóa; các nhà sinh vật học khảo cứu các loài động vật ở trên lục địa về cổ thời, cũng thừa nhận là có loài long; cũng có thời đại người ta cho loài long là chủ-nhân-ông của nhân loại. Hiện nay ở châu Phi, thỉnh thoảng người ta còn trông thấy một vài di tích của loài long ở trên cạn, Cho nên, ta tin chắc thế nào cũng có loài long. Nhưng chỉ vì loài long phần nhiều hoặc ở giữa hư không,

hoặc ở dưới đáy biển, toàn là những chỗ mà năng lực người ta chưa đi đến, Cho nên, không thể nào trực tiếp biết được. Đức Phật ngày xưa và chúng Thanh văn đại đệ tử, có năng lực tùy loại thuyết pháp, Cho nên, chỗ thuyết pháp của Phật, thường thường hoặc là Thiên cung, hoặc Long cung, hoặc Nhân gian, hoặc trong Thiên định v.v... Nếu gặp trường hợp tương ứng, đức Phật đều có thể thuyết pháp được cả. Chính như kinh này, Phật thuyết tại long cung của Ta-kiệt-la, đồng thời có tám ngàn đại chúng tỷ kheo và ba vạn hai ngàn các vị đại bồ-tát ở khắp cả mười phương đều đến dự thính. Có chúng thính pháp đông đúc như vậy, đó là chứng cứ cần phải tin.

ĐOẠN II: CHÁNH THUYẾT – THUỘC VỀ PHẦN CHÁNH VĂN

Chia làm năm chương

CHƯƠNG I: NGHIỆP QUẢ THẾ GIAN VÀ XUẤT THẾ GIAN

Chia làm năm đoạn

1) Từ nơi nhơn mà nói đến quả

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Long vương rằng: “Tất cả chúng sanh vì tâm tưởng khác nhau nên tạo nghiệp khác nhau, do vậy có sự xoay vần trong các thú.”

BẤY GIỜ là chỉ thời gian thuyết pháp. **THẾ TÔN** là chỉ đức Phật, ở đời ai cũng tôn trọng nên gọi là Thế tôn. **LONG VƯƠNG** tức chỉ vị chúa tể ở Long cung, Phật kêu Long vương mà bảo. **TÂM** là tâm vương, **TƯỚNG** là 51 món tâm sở; Tâm vương, Tâm sở của chúng sanh ở trong tam giới cửu địa, năm thú, bốn loài sanh v.v... không đồng nhau, nên hành vi cũng không đồng, và chịu quả báo cũng không đồng. Cũng như vì nhân tâm không đồng nên bộ mặt chẳng ai giống ai; đây là hợp cả tâm vương và tâm sở, tóm tắt gọi là tâm; nếu phân biệt mà nói thì phải nói

tâm và tướng v.v. mới đủ. Ta nên biết: thân hành động, miệng nói phô, ý suy nghĩ, toàn là do tâm chủ động. Nên người ta nói: Có ở trong tức là hiện ra ở ngoài. Nếu hành động mà không có dụng công của tâm thời không thành thiện ác; các nhà luân lý học cũng thừa nhận như thế. Nhân vì tâm tướng không đồng nên hành vi tạo tác không đồng, thành thử có nghiệp quả xoay vần trong năm thú.

Sao gọi là XOAY VẦN? Nghĩa là loài người tạo nghiệp lành thì sanh lên cõi trời; tạo nghiệp dữ thì đọa xuống địa ngục,ngạ quỷ, súc sanh v.v... Nghiệp địa ngục súc sanh hết, nhờ tu thiện, trở lại sanh làm người, làm người nếu không tu thiện, trở lại đọa lạc; cứ thế xoay chuyển mãi, nên gọi là Xoay Vần. Theo từ ngữ của Phật tức là luân hồi. Đoạn này là từ nơi “nhơn” mà nói rõ “quả báo” vậy.

2) Từ nơi “quả” mà nói rõ “nhơn”

Này Long vương! Nhà ngươi có thấy trong hội này và các loài ở trong đại hải hình sắc chủng loại mỗi mỗi không đồng nhau không? Tất cả đều do tâm tạo thiện hay ác của thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà gây nên cả.

Trước hết, Phật kêu Long vương khiến chăm chú nghe. Các loài tôm cá ở trong biển hình sắc chủng loại không đồng,quả báo cũng không đồng, toàn do tâm tướng và hành vi không đồng gây nên. Chỗ xuất hiện của hành vi là thân, khẩu và ý đều có thiện hay ác, nên thành sai biệt. Đoạn này là dẫn “quả” để nói về “nhân”.

3) Nói rõ về tướng của nhân

a- QUÁN TÂM LÀ VÔ SANH

Tâm ấy không có hình sắc, không thể thấy được, chỉ là do các pháp nhóm hợp hư huyền không thật, rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở.

TÂM chỉ có danh từ mà không có hình sắc, mắt không thể nhìn được, tay không thể nắm được, chỉ vì vô thi đến nay gom góp các pháp hư huyền mà sanh khởi sự phân biệt, huân thành chủng tử, rồi khởi ra hiện hạnh. Ba cõi này đều là do phân biệt giả dối mà hiện khởi ra cả, rốt ráo không có chủ thể, không thể chỉ cái gì là “ngã” [ta] và “ngã sở” [vật của ta]. Nếu ai chấp tâm ấy có chủ thể tức thuộc về tà kiến đoạn thường của ngoại đạo.

b- QUÁN PHÁP NHƯ HUYỄN

Tuy đều theo nghiệp, hiện ra không đồng; mà thật trong ấy không có người tác giả, nên tất cả các pháp, tự tánh như huyền, đều là bất khả tư nghì.

Các pháp giả dối tức là chỉ cho các pháp tạo thành thân căn và khí giới như năm uẩn, bốn đại v.v. Các pháp ấy như định không ai tạo thành, chỉ do nghiệp lực hiển hiện mà thôi; nghiệp lại do tâm tạo, tâm lại do các pháp mà sanh khởi, lần lửa nung nhau như huyền, như hóa, sanh diệt vô thường, không có gì là chắc chắn trường tồn; vì không thể dùng tư tưởng nghị luận mà suy cứu, nên gọi là bất tư nghì. Ngày xưa có ngoại đạo chấp rằng: Vạn vật do vị Đại tự tại thiên tạo thành, ngày nay thì Gia giáo cũng cho rằng: Tất cả đều do Thượng đế tạo thành và làm chúa tể. Đối với Phật giáo, nói như thế là vọng chấp sai lầm. Đạo Phật nói rằng: Tất cả quả báo khổ hay vui đều do sự sai khác của mười nghiệp thiện hay không thiện mà thôi, nhưng phải biết tự tánh của nghiệp quả là như huyền, vì do nhân duyên cấu hợp sanh diệt vô thường. Tức như kinh Bát-nhã nói về Chơn Không, Pháp tướng duy thức nói về Giả Hữu, thật là bao trùm không sót vậy.

c- KHUYÊN NÊN TU HỌC

Kẻ trí giả biết thế rồi, nên tu thiện nghiệp; nhờ vậy sanh ra uẩn, xứ, giới v.v. đều được đoan chánh, trông thấy không nhàm chán.

Nghiệp tánh không phải nhất định, thế giới cũng không phải là vật chết hẳn một bề; các pháp đều là như huyễn, không chủ thể, Cho nên, cần phải chuyên tu thiện nghiệp, dứt trừ ác nghiệp để tạo nên thế giới và thân thể trang nghiêm đoan chánh, khiến cho tất cả chúng sanh trông thấy, thì sanh lòng hoan hỷ hâm mộ.

UẨN tức là năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức. XỨ tức là thập nhị xứ: sáu căn và sáu trần. GIỚI tức là thập bát giới: sáu căn sáu trần và sáu thức vậy. Ba món trên là nguyên liệu tạo thành thân căn và thế giới

4) Đem tướng của nghiệp quả làm chứng

a- DÙNG PHẬT QUẢ LÀM CHỨNG

Này Long vương! Người xem thân của Phật do trăm ngàn ức phước đức mà sanh ra, các tướng trang nghiêm, quang minh chói rạng, phủ tất cả đại chúng. Dù vô lượng ức các vị Tỳ tại Phạm vương đều không thể hiển hiện được. Những ai chiêm ngưỡng thân của Như Lai, không ai là chẳng chóa mắt.

Thân Phật là do trăm ngàn muôn ức phước đức trí huệ sanh ra; Cho nên, có 32 tướng tốt, trăm phước trang nghiêm, hào quang chói rạng; dù cho hàng chư thiên, long vương, tuy đều có quang minh, một khi trông thấy hào quang của Phật, không thể gì mà hiện ra được. Ở trong các cảnh trời quang minh, lớn nhất là cảnh Đại tự tại thiên và Phạm vương, nhưng đều không sánh kịp với quang minh của đức Phật.

b- DÙNG BỒ TÁT LÀM CHỨNG

Người lại xem đây, các vị Bồ tát diệu sắc trang nghiêm, tất cả đều do tu tập phước đức thiện nghiệp mà sinh ra.

Sắc tướng tốt đẹp, hào quang sáng ngời của các hàng Bồ tát cũng đều do tu tập thiện-nghiệp-phước-đức mà có cả.

c- ĐEM HÀNG THIÊN LONG LÀM CHỨNG

Lại nữa, các hàng thiên long bát bộ, thấy có oai thế lớn lao, cũng như phước đức của thiện nghiệp mà sanh.

Thiên long bát bộ thuộc về loài A-tu-la. Loài ấy sở dĩ có oai thế cũng đều do như tu tập một ít phước đức thiện nghiệp. Cho nên, muốn được hưởng cảnh giới an vui tốt đẹp, trọng yếu nhất là vun trồng phước đức thiện nghiệp.

Ba đoạn trên đây căn cứ vào quả báo thiện nghiệp mà nói. Dưới đây sẽ nói đến quả báo các nghiệp dữ để chứng minh.

d- ĐEM CÁC LOÀI Ở BIỂN LÀM CHỨNG

Này đây, các chúng sanh ở trong đại hải, hình sắc thô xấu, hoặc lớn hoặc nhỏ đều do hết thủy tướng niệm của tự tâm gây ra bởi thân, ý các nghiệp bất thiện, vậy nên tùy theo chỗ gây nghiệp mà tự thọ báo.

Đem các loài cá, trạch, tôm, hến ở bể, lớn hoặc nhỏ, hình sắc thô xấu tanh hôi, đều bởi tướng niệm không đồng của tự tâm, phát ra nơi thân, khẩu, ý những nghiệp không lành, Cho nên, phải chịu báo thân xấu xa như vậy.

đ- KẾT KHUYÊN TU HỌC

Người nay thường nên tu học như vậy, cũng khiến chúng sanh rõ thấu hơn quả, tu tập thiện nghiệp. Người nên ở đây, chánh kiến bất động, chớ đọa vào trong tà kiến đoạn thường, đối với các phước điền, hoan hỷ kính nhường. Vậy nên các người cũng được hơn thiên tôn kính cúng dường.

Cốt yếu là dùng chánh kiến – rõ thấu luật hơn quả mà tu tập thiện nghiệp, không bị tà kiến rối loạn; tà kiến tức là chấp đoạn, chấp thường. Chấp đoạn tức là chấp rằng ở đời, chẳng qua may rủi chớ không có gì cả, chết là hết, không chịn hơn quả Cho nên, buông lung làm ác, chẳng sợ quả báo về sau. Chấp thường tức là chấp ở đời tất cả sự vật đều là thường còn nhất định, như nói rằng: người thì đời đời kiếp kiếp cũng là người, trâu ngựa thì đời đời kiếp kiếp vẫn là trâu ngựa; gây nghiệp lành dữ chẳng quan hệ gì với sự khổ vui của thân này. Vì tà kiến ấy mà không tin nhân quả. Cho nên, cuộc đời cứ xáo trộn hoài, chẳng bao giờ được như ý muốn. Nay muốn không lạc vào tà kiến, cần phải quan sát thân này là vô thường, tâm không chủ tử, tất cả các pháp là như huyễn, tùy tâm tạo nghiệp gì, tùy nghiệp ấy mà chịu quả báo. Có thể mới là hiểu rõ chân tướng nhân quả, không gì lay động được.

PHƯỚC ĐIỀN nghĩa là những đám ruộng để vun trồng phước đức (lời thí dụ). Có ba thứ: KÍNH ĐIỀN, đối với Phật, Bồ tát, cung kính cúng dường thì sẽ được phước. ÂN ĐIỀN, cha mẹ thầy bạn rất có ân với mình, hiếu thuận cúng dường thì được phước lớn. BI ĐIỀN đối với chúng sanh khổ não thương xót cứu giúp thì sẽ được phước đức. Trong ba thứ phước điền này, nếu hoan hỷ cúng dường, thế nào cũng được hưởng quả an vui, hơn thiên tôn kính cúng dường vậy.

CHƯƠNG II: THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

1) Công dụng của thiện pháp

Long vương nên biết, Bồ tát có một pháp dứt tất cả các khổ của đường dữ. Pháp ấy là gì? Nghĩa là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ quán sát pháp lành, làm cho các pháp lành mỗi niệm mỗi tăng trưởng; không cho một hào li bất thiện xen lẫn vào; tức là hay khiến cho các pháp hằng dứt, thiện pháp viên mãn; thường được thân cận các đức Phật, Bồ tát và các Thánh chúng.

Thường thường nhớ nghĩ quán sát thiện pháp thì tâm được thiện. Tâm thiện thì ác nghiệp không sanh. Không gây ác nghiệp tức không chịu quả báo. Như thế, chuyên tâm quán sát, chớ để cho một hào ly ác nghiệp xen lẫn vào, lần lần thiện pháp viên mãn. Thiện pháp viên mãn thời được thân cận các hàng đại Bồ tát, bầu bạn với Thánh hiền, sẽ cùng nhau ở cảnh giới trang nghiêm cực lạc. Toàn nhờ công dụng của thiện pháp cả.

2) Giải thích tên của thiện pháp

Thiện pháp là gì? Nghĩa là thân của như thiên, đạo bồ-đề của Thanh văn, đạo bồ-đề của Độc giác và Vô thượng bồ-đề đều y pháp ấy làm căn bản và thành tựu. Cho nên, gọi là thiện pháp.

Vì sao gọi là thiện pháp? Là vì thân của như đạo, thân của chư thiên, năm phần pháp thân của Thanh văn tiểu thừa (giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến), pháp thân bồ-đề của hàng trung thừa độc giác và pháp thân vô thượng bồ-đề của đại thừa. Tất cả quả báo tốt đẹp an vui của thế gian hay xuất thế gian được hiển hiện đều do mười pháp này làm căn bản, Cho nên, gọi là thiện pháp.

3) Tướng của mười điều thiện

Thiện pháp đây tức là mười nghiệp đạo thiện. Những gì là mười? Xa lìa: sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến.

Căn bản thiện pháp của thế gian và xuất thế gian tức là mười nghiệp đạo thiện. Mười nghiệp đạo thiện này chính ở nơi thân mình, không phải cầu đâu xa. Do con đường lớn quang minh chính đại của mười nghiệp thiện này mà đi đến cảnh giới an vui tốt đẹp của thế gian và xuất thế gian. Từ sự giết hại sinh linh cho đến tà kiến là mười ác nghiệp; sở dĩ nói thiện, là căn cứ ở chỗ xa lìa. Xa lìa được ác nghiệp không phải dễ dàng. Nếu thời gian này xa lìa được sự giết hại mà về sau lại giết hại, hoặc đời này cố gắng giữ được giới sát sanh mà đời sau không giữ được thì cũng chưa gọi là hoàn toàn xa lìa. Phải làm thế nào cho lòng của mình luôn luôn tự đời này qua đời khác, cho đến tận vị lai kiếp không còn móng ác nghiệp giết hại sinh linh nữa, mới được bảo là hằng “xa lìa”.

Thứ nhất là sát sanh

Thế nào gọi là sát sanh? Nghĩa là dứt ngang mạng sống của kẻ khác, hoặc loài khác. Tự thân mình cầm khí giới, hoặc miệng mình sai bảo hay thấy sự giết hại mà ý mình sanh hoan hỷ, đều là nghiệp sát sanh cả. Mười ác nghiệp này, căn cứ vào nội tâm, ngoại cảnh và thời gian mà phân biệt nặng nhẹ khác nhau. Nay đem một nghiệp sát sanh làm thí dụ. Ở nội tâm chia làm ba thứ: Một là vì tâm sân hận, biết trái luật mà vẫn cố ý giết hại là tội nặng nhất. Hai là tuy có hận kích động, nhưng nội tâm không rõ ràng hoặc trong tâm tuy rõ ràng mà không sân hận là bậc trung. Ba là không sân hận, không hiểu biết, giết lầm là nhẹ. Đối với ngoại cảnh cũng có ba bậc tội nặng nhẹ không đồng. Như phá hủy thân Phật, giết hại các bậc thánh nhân, a-la-hán, giết hại cha mẹ và các người ân nhân là tội nặng nhất. Giết các người ngang hàng là bậc trung. Giết hại các loài chúng sanh khác là tội nhẹ. Lại đối với trong thời gian móng tâm giết hại cũng có tội nặng nhẹ ba bậc không đồng. Như trước khi chưa giết hại mà có ý ưa vui giết hại, đến khi đương giết và sau khi giết rồi, vui vẻ không có lòng hối hận là nặng nhất. Nếu trước khi chưa giết không móng ý gì, hoặc giết rồi sanh lòng hối hận là bậc trung. Còn không có lòng sân hận mà giết lầm và sau khi giết rồi, sanh lòng hối hận là tội nhẹ.

Muốn tránh xa nghiệp sát sanh cần phải y theo ba món giới, định, huệ thứ lớp tu tập. Trước nương theo giới mà ly nghiệp sát sanh thô trọng, ở nơi thân không hành động giết hại. Thứ hai, tu tập thiền định, làm cho tâm không móng lên giết hại; nhưng cũng còn chưa dứt hẳn, Lại còn cần tu tập theo định huệ, dứt sạch chủng tử thói quen từ vô thủy đến nay. Bao giờ chứng đến quả Phật mới hoàn toàn dứt hẳn, mà thân tâm được thanh tịnh. Xưa đức Phật còn tại thế, cùng ngài Xá-lợi-phất đứng xem một đàn chim. Bầy chim thấy Phật thì không sợ hãi mà thấy ngài Xá-lợi-phất thì cuống cuồng. Ngài Xá-lợi-phất hỏi Phật vì lẽ gì? Phật dạy: “Người dù đã chứng đến a-la-hán, tuy không còn tâm sát hại nhưng vì thói quen chủng tử sát hại từ vô thủy chưa dứt hẳn, Cho nên, loài chim lại gần sanh lòng sợ hãi.”

Thứ hai là trộm cắp

Lấy sức mạnh cướp bóc của người, hoặc trộm lén lấy của người, hoặc bày phương kế xảo trá lừa gạt mà lấy của người, cho đến vô công ngồi hưởng, đều thuộc về trộm cắp cả. Nghiệp trộm cắp, tội nặng nhẹ cũng như nghiệp sát sanh trên kia. Tám nghiệp dưới đây cũng thế, căn cứ vào lý mà phân phán nặng nhẹ.

Thứ ba là tà hạnh

Tà hạnh tức là chỉ cho sự dâm dục; thế gian lấy sự vợ chồng chính thức phối hiệp gọi là chánh hạnh, ngoài ra gọi là tà. Đó là nói về thô cạn. Nói sâu hơn thì tất cả chúng sanh ở trong dục giới đều vì dâm dục mà có tánh mạng, Cho nên, đối với cảnh ngũ dục mà sanh lòng say đắm đều thuộc tà hạnh cả; tu hành thoát ly dục giới mới hàng phục được dâm dục. Bao giờ chứng quả a-la-hán mới là cứu cánh ly dục.

Ba nghiệp trên này thuộc về thân.

Thứ tư là vọng ngữ

Tức là nói lời dối trá, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, biết nói không biết, không biết nói biết, xấu nói tốt, tốt nói xấu, cho đến có nói không, phải nói quấy v.v... dối trá không thật. Ở trong Phật pháp rất kỵ là đại vọng ngữ nghĩa là tu hành chưa được mà tự xưng đã được, chưa chứng mà tự gọi đã chứng. Nếu vi phạm đại vọng ngữ này, quyết định sa về đường ma, đọa lạc tam đồ ác đạo, rất là nguy hiểm.

Bồ tát tu hạnh lợi tha gặp trường hợp đặc biệt có thể phương tiện nói dối như trong kinh Bồ tát giới đã dạy rõ. Xa tánh vọng ngữ tức là phải tu chơn thật ngữ vậy.

Thứ năm là hai lưỡi

Tức là nói lời chia rẽ phản gián, đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này, xui dục bà con bất hòa, thân tình thù oán; xưa nay các nhà đi thuyết khách phần nhiều thuộc về loại này cả. Sự tai hại không phải là nhỏ. Xa tánh hai lưỡi tức là tu “nói lời hòa hiệp”.

Thứ sáu là ác khẩu

Tức là nói lời thô ác, mắng chửi nộ rửa v.v...do chửi mắng mà đi đến đánh đập giết hại; nhỏ từ cá nhân, rộng đến gia đình xã hội, cho đến quốc tế chiến tranh. Sự tai hại cũng không phải nhỏ. Xa lìa lời nói thô ác tức là được sự “nhu hòa”.

Thứ bảy là ý ngữ

Tức là nói lời vô nghĩa lý, nghĩa là trau chuốt thêu dệt lời nói cho đẹp đẽ, khiến tăng hành vi tội lỗi, nói không chơn thật, không đúng lẽ phải, mà nghe rất êm tai; khiến cho người nghe không còn giữ được tâm trí, mất hẳn như luân, rất dễ dẫn dắt người ta đi đến hàm tội lỗi. Xa lánh ý ngữ tức là nói lời đúng nghĩa lý.

Bốn nghiệp trên đây thuộc về lời nói “ngữ nghiệp”. Thông thường bảo là khẩu nghiệp, nhưng khẩu nghiệp không hết nghĩa vì rằng miệng chỉ là một khí cụ của lời nói mà thôi, Cho nên, phải nói ngữ nghiệp mới hết ý.

Thứ tám là tham dục

“Dục” tức là những cảnh dục lạc trong thế gian. Đối cảnh sanh lòng tham, cho nên, gọi là tham dục. Tham dục là nhưn cốt yếu của đường sống chết, Cho nên, cần phải đoạn tuyệt; nhưng lòng tham dục không phải hoàn toàn xấu xa tội lỗi, nếu đối với thiện pháp mà sanh lòng tham muốn làm theo cho đến kỳ cùng thì lại là phước đức đáng quý.

Thứ chín là sân hận

Đối với cảnh vừa lòng thì sanh tham muốn, với cảnh trái ý thì sanh sân hận; lỗi của lòng sân không phải nhỏ. Kinh dạy: Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai, nghĩa là tâm sân khởi lên thì trăm vạn cửa nghiệp chướng đều mở. Tuy vậy, nghiệp sân này chỉ ở cõi dục giới. Nếu tu tập Thiền định và bốn Vô lượng tâm từ bi hỷ xả thì sẽ tiêu tan. Nên cõi sắc và vô sắc giới không còn sân hận.

Thứ mười là tà kiến

Thông thường gọi là ngu si. Nhưng chữ ngu si nó không hết nghĩa. Vì rằng ngu si là không hiểu lý lẽ. Còn đây là hiểu biết không hợp chân lý, không đúng với lẽ phải của Trung đạo, thiên kiến một bên, mà cố chấp cho là phải, Cho nên, nói là tà kiến mới hết nghĩa. Như chấp đoạn diệt hay chấp thường còn, thành điên đảo tà kiến không hợp với chơn lý trung đạo, nhưng vẫn ở trong phạm vi của ngu si. Nay muốn xa lìa sự nhận thức sai lầm của phạm vi ngu si tà kiến, cần phải tu thiền định, nhờ đó mà phát sanh trí huệ, tăng trưởng chánh kiến đi đến quả thiện pháp viên mãn.

Ba nghiệp trên đây thuộc về ý nghiệp.

CHƯƠNG III: CÔNG ĐỨC CỦA THẬP THIỆN

1) Công đức xa lìa sự sát sanh

Long vương! Nếu xa lìa sát sanh thời được thành tựu mười pháp không còn bức não. Những gì là mười? 1. Đối với các chúng sanh cùng khắp bố thí đức vô úy, 2. Thường khởi lòng đại từ đối với chúng sanh, 3. Dứt sạch tất cả tập khí (thói quen) giận hờn, 4. Thân thường không bệnh, 5. Sống mạnh lâu dài, 6. Thường được phi nhơn [quỷ thần] ủng hộ, 7. Thường không ác mộng, thức ngủ an vui, 8. Diệt trừ oan kết, oán thù tự giải, 9. Không sợ sa đọa đường dữ, 10. Khi chết sanh lên cõi trời. Ấy là mười công đức. Nếu hồi hướng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau khi thành Phật, được quả Phật thì tùy tâm tự tại sống lâu.

Muốn cứu cánh được mười nghiệp thiện, cần phải lìa hẳn mười nghiệp ác. Lìa được một nghiệp ác tức là trừ bỏ được bao nhiêu phiền não, lại được thành tựu bao nhiêu công đức. Như xa lìa nghiệp sát sanh tức là trừ bỏ các pháp hung ác, được đến cảnh giới an vui cõi người và cõi trời, thường sanh khởi lòng đại từ, dứt trừ được lòng sân hận, làm cho tất cả chúng sanh trông thấy không sanh lòng sợ hãi: chính là thành tựu được đức bố thí đại vô úy. Như thế, sanh tiền đây sẽ được vô bệnh, trường thọ, đêm ngày an vui, lại được hàng phi nhơn thiên long, quỷ thần thường ủng hộ; khi chết không sợ hãi đạo lạc vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh các đường dữ; xa lìa được nghiệp sát sanh tức là tu hạnh vô úy, lại được sanh về các cõi trời. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về quả Phật, tương lai thành Phật, tức là được quả Phật sống lâu, tùy tâm tự tại. Nói đến chơn thân của Phật thì bình đẳng như hư không, cùng khắp cả pháp giới, thọ mạng vô cùng vô tận; đây là nói ứng thân ở đời hoặc dài hoặc ngắn bất định, theo cơ cảm của chúng sanh mà ở đời hay nhập diệt, đều tùy tâm tự tại, chứ không bị hoàn cảnh nghiệp

lực bất buộc, như đức Phật A-di-đà, Tàu dịch là Vô lượng thọ đều do dứt sạch nghiệp sát sanh mà cảm được vậy.

2) Công đức xa lìa trộm cắp

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa trộm cắp thời được mười pháp bảo tín. Mười pháp ấy là gì? 1. Giàu có của cải, vua, giặc, nước, lửa và con hư không phá diệt; 2. Nhiều người thương mến; 3. Người không dối gạt; 4. Mười phương khen ngợi; 5. Không lo tổn hại; 6. Tiếng tốt đồn khắp; 7. Ở giữa đại chúng không sợ hãi; 8. Của cải tánh mạng hình sắc sức lực an vui, biện tài đầy đủ không thiếu; 9. Thường sẵn lòng bố thí; 10. Mạng chung sanh lên trời. Nếu hồi hướng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác sau thành Phật, được chứng trí thanh tịnh đại bồ-đề.

Của cải ở đời có năm việc làm tiêu tan nghèo khổ: vua dữ, giặc cướp, thủy tai, lửa cháy và con phá của (gọi là con bại gia). Nếu xa lánh nghiệp trộm cắp tức là thường được quả báo tốt: của cải giàu có, không bị năm việc trên phá hại, lại được tiếng tốt đồn khắp, biện tài (tài hùng biện) vô ngại, được mọi người thương mến khen ngợi, không bị ai dối lừa, khi chết được sanh lên cõi trời. Nếu phát tâm đem công đức ấy hướng về quả Phật, sau thành Phật thì được chứng trí huệ thanh tịnh đại bồ-đề.

3) Công đức xa lìa tà hạnh (tà dâm)

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa tà hạnh thời được bốn pháp kể trí ngợi khen. Những gì là bốn? 1. Pháp căn điều thuận; 2. Xa lìa rộn ràng; 3. Được đời khen ngợi; 4. Vợ không ai xâm phạm. Ấy là bốn công đức về chánh hạnh. Nếu hồi hướng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau thành Phật, được Phật trượng phu ẩn mật tàng tướng.

Pháp căn chỉ cho sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Điều thuận là yên lặng hòa thuận. Rộn ràng là không yên tĩnh. Nếu tu hành xa tránh

được tà hạnh (tà dâm) là được thân tâm thanh tịnh, vợ chồng trinh bạch, không bị người ngoài xâm phạm. Nếu hồi hướng về quả Phật, tương lai thành Phật được tướng Phật ẩn mật đại trượng phu (một trong 32 tướng tốt của Phật tức là tướng mã âm tàng).

4) Công đức xa lìa nghiệp vọng ngữ

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa vọng ngữ thời được tám pháp trời khen ngợi. Những gì là tám? 1. Miệng thường thanh tịnh thơm mùi hoa ưu bát; 2. Được người đời tín phục; 3. Mở lời thành chứng, như thiên kính mển; 4. Thường đem lời êm dịu an ủi chúng sanh; 5. Được ý vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh; 6. Nói không sai lầm, lòng thường hoan hỷ; 7. Mở lời tôn trọng, nhân thiên phụng hành; 8. Trí huệ thù thắng không ai chế phục. Ấy là tám công đức về hạnh không vọng ngữ. Nếu hồi hướng về đạo Vô thượng bồ-đề, sau thành Phật được chơn thật ngữ của Như Lai.

Hoa ưu bát tức là hoa sen xanh hương vị thanh tao. Nếu xa lìa được lời dối trá không thật, thời được quả báo trong miệng thường thơm mùi hoa sen xanh, lời nói chắc thật không sai lầm. Ai nghe cũng khởi lòng tin; lại hay đem lời dịu ngọt an ủi, chúng sanh đều tôn trọng làm theo, được cõi người, cõi trời kính mển, trí huệ thường sáng suốt, không ai biện luận hơn. Nếu đem công đức ấy hồi hướng Phật quả, sau thành Phật sẽ được quả Như Lai chơn thiệt ngữ .

5) Công đức xa lìa nghiệp hai lưỡi .

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa nghiệp hai lưỡi thì được năm pháp không thể phá hoại. Những gì là năm? – 1. Được thân bất hoại, không ai hại được; 2. Được bà con bất hoại, không ai phá hại; 3. Được lòng tin bất hoại, thuận theo bốn nghiệp; 4. Được pháp bất hoại, chỗ tu kiên cố; 5. Được thiện trí thức bất hoại không dối lừa nhau. Năm công đức này nếu hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau thành

Phật được quyền thuộc chơn chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại.

Hai lưỡi rất dễ phá hoại làm hư hỏng công việc của người khác; nếu ai tu hành giữ gìn không phạm nghiệp hai lưỡi, không nói lời chia rẽ, thì được quả tốt: tự thân, bà con, lòng tin, pháp tu hành, thiện trí thức, năm món công đức ấy không ai phá hoại được. Nếu đem công đức ấy hồi hướng quả Phật Vô thượng bồ-đề tương lai thành Phật được các hàng Bồ tát làm quyền thuộc, ma vương ngoại đạo không thể phá hoại.

6) Công đức xa lìa nghiệp ác khẩu

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa ác khẩu thì được thành tựu tám món tịnh nghiệp. Những gì là tám? – 1. Lời nói không trái pháp độ; 2. Lời nói có lợi ích; 3. Lời nói quyết lý; 4. Lời nói đẹp đẽ; 5. Lời nói thừa lãnh được; 6. Lời nói được tin dùng; 7. Lời nói không thể chê; 8. Lời nói được ưa thích. Nếu hồi hướng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sauthành Phật đầy đủ phạm âm thanh tướng của Như Lai.

Nếu xa lìa lời nói thô ác, tức thì thành tựu tám món tịnh nghiệp: lời nói không trái pháp độ; khi nào cũng nói lời có lợi ích, không nói thì thôi, nếu nói thì hợp lý; lời nói nghe rất đẹp đẽ; nói lời gì cũng được người lãnh thọ. Lời nói ai cũng tin dụng. Lời nói không bị chê bai. Nói ra người đều ưa thích vui vẻ. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về đạo Vô thượng bồ-đề, sau thành Phật được đầy đủ phạm âm thanh tướng, một trong 32 tướng tốt của Phật. (Phạm âm nghĩa là tiếng nói trong dịp lạnh lạnh).

7) Công đức lìa ỷ ngữ (nói thêu dệt).

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa ỷ ngữ thì thành tựu ba món quyết định. Những gì là ba? – 1. Được người trí yêu mến; 2. Dùng trí như thật đáp các người hỏi; 3. Ở như thiên oai đức tối thắng, không hư vọng. Nếu hồi

hướng vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau thành Phật được Như lai thọ ký, chẳng có luống dối.

Nếu xa lìa sự trau chuốt lời nói, câu văn, thêu dệt xảo trá, thời được ba món công đức quyết định: 1. Được người trí thức yêu mến. Vì ỷ ngữ là nói lời thêu dệt vô nghĩa lý, chỉ có thể lừa dối người ngu si chứ người trí nghe lừa phải nhàm chán; Nay xa lìa nghiệp ỷ ngữ, cố nhiên được người trí thức yêu mến. 2. Hay đem trí như thật mà đáp các người học hỏi. Lời đáp phải như sự thật, mới giải được sự ngờ vực. 3. Quyết định ở cõi nhơn thiên nào oai đức cũng thù thắng hơn người, không có hư vọng. Nghĩa là nói đúng với sự thật tức là đại hùng biện hơn hết.

Mở lời nói muốn tránh nghiệp ỷ ngữ bao giờ cũng căn cứ vào chân lý, thành thật mà nói; nên ai nghe đến cũng phải cảm phục oai đức. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về cõi Phật vô thượng bồ-đề, tương lai thành Phật thì được công đức Như Lai thọ ký, đều đúng như lời không giả dối. Thọ ký là một công đức của Phật, thường đối với hàng đệ tử dạy những lời thọ ký như: bao giờ sẽ thành Phật hoặc bao giờ phải đọa địa ngục và những sự cát hung họa phước v.v.. đều đúng như lời nói, không sai lầm. Đó là do chỗ hiểu biết đúng sự thật, như sự thật ấy mà nói ra; chứ không phải chủ thể thưởng phạt như người tin vào Thượng đế. Chẳng luống dối, nghĩa là không phải nói suông.

8) Công đức xa lìa tham dục

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa tham dục thời được năm món tự tại. Những gì là năm ? – 1. Ba nghiệp tự tại các căn cụ túc; 2. Cửa cải tự tại, oán tặc không cướp hại; 3. Phước đức tự tại, toại lòng yêu muốn vật dụng đầy đủ; 4. Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ đều được phụng hiến; 5. Những vật được thù thắng gấp trăm lòng mong cầu, vì ngày xưa không bỏn xẻn ganh ghét. Nếu hồi hướng Vô thượng bồ-đề, sau thành Phật, tam giới đặc biệt tôn trọng, thầy đều kính nhường.

Nếu xa lìa nghiệp tham dục thời được các món tự tại. Chử tự tại nghĩa là tự do tùy tâm mình. Ba nghiệp chỉ cho thân, khẩu, ý. Các căn tức là sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đây là của cải ở trong thân; còn bao nhiêu của quý vật lạ là của cải ở ngoài thân. Của ở trong thân, của ở ngoài thân, đều được đầy đủ, tùy tâm tự do mà thọ dụng, không có sức gì chiếm đoạt được; muốn mong cầu vật gì, khi thời được gấp mười gấp trăm quá chỗ hy vọng. Nếu đem công đức ấy mà hướng về quả Phật vô thượng bồ-đề thì tương lai thành Phật, tức là được ba cõi đặc biệt tôn trọng, tất cả đều cúng dường. (Ba cõi là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc).

9) công đức xa lìa sân nhuế (sân hận)

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa sân nhuế thời được tám món tâm pháp hỷ duyệt. Những gì là tám? – 1. Không lòng tổn não; 2. Không còn sân hận; 3. Không lòng gây kiện; 4. Lòng nhu hòa ngay thật; 5. Được từ tâm của bậc thánh giả; 6. Sẵn lòng làm lợi ích an lạc cho chúng sanh; 7. Thân tướng đẹp đẽ, chúng đều tôn kính; 8. Do sự hòa nhẫn, mau sanh về cõi Phạm thiên. Nếu hồi hướng đạo Vô thượng bồ-đề sau thành Phật được tâm vô ngại của Phật, người trông thấy không chán.

Nếu xa lìa lòng sân hận, thì hưởng được các thứ công đức vui vẻ, trong lòng luôn luôn nhu hòa hiền từ, không còn có lòng sân hận, gây tụng và tổn hại ai; lại thường sẵn lòng giúp ích an vui cho tất cả chúng sanh. Sanh ra thì thân tướng đẹp đẽ, được mọi người cung kính. (Khi lòng sân hận nổi lên, mặt đỏ người run hiện ra tướng hung tợn, tức là thân tướng không trang nghiêm; như đã như vậy thì quả phải xấu xa, đó là luật nhất định của báo ứng vậy).

Cõi trời Phạm thiên là cõi của những người đã hết nghiệp sân hận và các vị thánh nhân đã được chứng thiên định. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về quả Phật tương lai thành Phật, liền được tâm Phật không gì chướng ngại, ai trông thấy cũng hâm mộ mà không chán.

10) Công đức xa lìa nghiệp tà kiến

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa nghiệp tà kiến thì được thành tựu mười pháp công đức. Những gì là mười? – 1. Được ý vui chơn thiện, bầu bạn chơn thiện; 2. Thâm tín như quả, thà bỏ thân mạng trọn chẳng làm ác; 3. Chỉ quy y Phật, không quy y các thiên thần; 4. Trực tâm chánh kiến, xa hẳn tất cả ngờ vực cát hung; 5. Thường sanh nhân thiện, không sa vào đường dữ; 6. Vô lượng phước báu lần lữa thêm nhiều; 7. Xa hẳn đường tà, tu hành đạo chánh; 8. Chẳng khởi tâm kiến, bỏ các ác nghiệp; 9. Kiến giải vô ngại; 10. Chẳng bị các tai nạn. Ấy là mười. Nếu hồi hướng quả Vô thượng bồ-đề sau thành Phật, mau chóng tất cả Phật pháp, thành tựu thần thông tự tại.

Nếu lìa hẳn ngu si tà kiến, thời được các món chơn thiện công đức: tâm ý vui vẻ, chơn chánh hiền từ, bầu bạn cũng chơn chánh hiền từ; hiểu rõ như quả, không còn ngờ vực, tín tâm bền chắc, thà chết không làm các điều dữ; thường quy y Phật pháp tăng; đời đời kiếp kiếp được sanh về cõi trời, cõi người, không bao giờ khởi niệm tà kiến, không mắc các tai nạn, phước đức trí huệ ngày một tăng trưởng, tu hành chơn chánh không lạc vào tà đạo, không khởi kiến chấp về thân (tức chấp thân của ta và vật sở hữu của ta). Không vì thân mà gây ác nghiệp, không vì một kiến chấp gì mà làm chướng ngại chỗ hiểu biết chơn lý. Nếu lại phát lòng sâu xa rộng lớn, đem công đức ấy hồi hướng về quả Phật vô thượng bồ-đề, tương lai thành Phật chứng được tất cả các pháp thần thông tự tại của chư Phật.

CHƯƠNG IV: THẮNG HẠNH CỦA THẬP THIỆN NGHIỆP

A. LỤC ĐỘ

I) BỐ THÍ ĐỘ

Bấy giờ đức Thế Tôn lại bảo Long vương rằng: Nếu có Bồ tát y thiện nghiệp ấy, trong khi tu đạo, lìa nghiệp giết hại mà hành bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, trường thọ không yếu, chẳng bị tất cả oan giặc làm hại. Lìa nghiệp chẳng cho mà lấy, thực hành bố thí thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, không ai sánh kịp, đều hay nhóm họp kho báu Phật pháp. Lìa lỗi tà hạnh mà bố thí, thường giàu của báu không ai chiếm đoạt; trong nhà trinh thuận, mẹ và vợ con, không ai đem lòng dục mà xâm phạm. Lìa lời nói dối mà làm bố thí, thường giàu của báu không ai chiếm đoạt, khỏi các hủy báng, thâm giữ chánh pháp, như lời thệ nguyện, chỗ làm thỏa mãn. Lìa lời nói chia rẽ (hai lưỡi) mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, quyến thuộc hòa thuận, đồng vui một chí, thường không trái chống. Lìa lời nói thô dữ mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm chiếm, tất cả chúng hội hoan hỷ quy y, nói ra đều tín thọ, không ai trái nghịch. Lìa lời nói vô nghĩa (ỷ ngữ) mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm chiếm, nói chẳng uổng lời, người đều kính chịu, hay dùng phương tiện, khéo dứt các ngờ vực. Lìa lòng tham cầu mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt có được vật gì đều đem ban cấp, tín giải kiên cố, đủ oai lực lớn. Bỏ lòng giận hờn mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai chiếm đoạt, mau tự thành tựu, tâm trí vô ngại, các căn tốt đẹp, người thấy kính ưa. Xa lìa lòng tà đạo mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai chiếm đoạt, thường sanh vào nhà kính tin chánh pháp, thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường chẳng quên mất lòng đại bồ-đề. Ấy là bậc đại sĩ trong khi tu bồ-tát đạo, làm mười nghiệp lành, dùng bố thí trang nghiêm mà được lợi lớn.

Bố thí để diệt trừ lòng tham lam, sẽ được hưởng quả báo giàu có, của cải không còn nghèo thiếu; nhưng nếu lòng bố thí không thanh tịnh, hoặc hành vi ác chưa dứt sạch hẳn, thì tuy có nhiều của báu cũng không hưởng thọ được lâu dài và tự tại. Nếu phát tâm bồ-tát y theo mười nghiệp thiện mà tu hành bố thí, thì hình dung đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài, bà con hòa thuận, có nhiều của báu không ai sánh kịp; mà cũng không có người nào dám đem lực lượng gì để chiếm đoạt; ta lại được mọi

người kính mến quy thuận ủng hộ: đó là nhờ công đức tu hành thập thiện mà bố thí, mới được viên mãn trang nghiêm, lợi ích rất lớn vậy. Trái lại như vì lòng sân hận khinh khi nhau, hoặc vì mua danh mà làm việc bố thí, hoặc vì ngu si tà kiến sai lầm, người đáng cho thì không cho, người không đáng cho lại cho, hoặc thiên vị cho người này không cho người khác, như thế gọi là điên đảo sai lầm làm việc bố thí, không thể nào viên mãn được. Dù có quả báo tốt, về sau cũng không cứu cánh.

2) LƯỢC NÓI VỀ NĂM ĐỘ

Như vậy, Long vương! Tóm lại mà nói, từ mười thiện đạo: Dùng trì giới trang nghiêm hay sanh tất cả nghĩa lợi của Phật pháp, đầy đủ nguyện lớn. Dùng nhẫn nhục trang nghiêm, được viên âm của Phật, đủ các tướng tốt. Dùng tinh tấn trang nghiêm hay phá ma oán, vào pháp tạng Phật. Dùng thiền định trang nghiêm hay sanh niệm, huệ, tầm, quý, khinh an. Dùng trí huệ trang nghiêm hay dứt tất cả phân biệt vọng kiến.

Phật pháp nghĩa lợi là sự lợi ích cứu cánh thiết thực. Trong Phật pháp, có sự lợi ích chỉ ở hiện tại, có sự lợi ích chỉ ở tương lai, và có sự lợi ích cứu cánh, khác nhau. Bồ tát tu hành lục độ, tức là được tất cả nghĩa lợi, nhưng nếu dùng thập thiện nghiệp đạo làm căn bản, thời nghĩa lợi mới hoàn toàn viên mãn. (nghĩa là tu thập thiện mà trì giới, nhẫn nhục v.v... thì trì giới, nhẫn nhục mới trang nghiêm hoàn toàn cứu cánh).

B. CÁC HẠNH KHÁC

1) TƯ VÔ LƯỢNG TÂM

Lòng từ trang nghiêm, đối với chúng sanh không khởi não hại. Lòng bi trang nghiêm, thương các chúng sanh, thường không chán bỏ. Lòng hỷ trang nghiêm, thấy người tu thiện, lòng không ganh ghét. Lòng xả trang nghiêm, đối cảnh thuận nghịch, lòng không thương giận.

Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn đức vô lượng tâm của chư Phật, Bồ tát. Từ là cho vui, Bi là cứu khổ, Hỷ là đối với tất cả những công đức lợi ích an vui của kẻ khác, sẵn lòng hoan hỷ tán trợ, Xả là oán thân bình đẳng, không khởi phân biệt, một lòng thản nhiên không còn trú trước; như kinh Kim cang dạy: “Ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm” (nên sanh lòng không chỗ trú trước). Suy rộng bốn tâm ấy ra cùng khắp vô lượng Cho nên, gọi là tứ vô lượng tâm. Căn cứ vào mười thiện nghiệp đạo mà tu hành khiến cho bốn tâm ấy được viên mãn trang nghiêm thì hưởng phước đức vô lượng.

2) BỐN NHIẾP PHÁP

Bốn nhiếp pháp trang nghiêm thường siêng nhiếp hóa tất cả chúng sanh.

Nhiếp pháp nghĩa là dùng bốn pháp bố thí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành mà thâm nhiếp hóa độ chúng sanh. Bồ tát tùy mỗi loài hiện thân đem bốn pháp ấy mà thâm nhiếp, làm cho mọi loài, mọi người đều được lãnh thọ chánh pháp, đều hiểu sự lợi ích. Căn cứ mười thiện nghiệp mà hành tứ nhiếp pháp ấy thì mới được hoàn toàn cứu cánh.

3) BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO BỒ-ĐỀ

Niệm xứ trang nghiêm khéo tu tập bốn quán niệm xứ. Chánh cần trang nghiêm hay dứt trừ tất cả các pháp bất thiện, thành tất cả pháp thiện. Thần túc trang nghiêm thường khiến thân tâm nhẹ nhàng vui vẻ. Năm căn trang nghiêm, thâm tín, kiên cố, siêng năng không biếng nhác, thường không mê vọng, vắng lặng điều hòa, dứt các phiền não. Năm lực trang nghiêm, các oán đều diệt, không gì phá hoại. Giác chi trang nghiêm, thường khéo giác ngộ tất cả các pháp. Chánh đạo trang nghiêm được trí huệ chánh, thường hiện ở trước. Chỉ trang nghiêm dứt sạch tất cả kiết sử. Quán trang nghiêm, như thật biết tự tánh các pháp. Phương tiện trang nghiêm, chóng được thành tựu, đầy vui vô biên.

Đây là 37 phần bồ-đề, cũng gọi là 37 trợ đạo phẩm.

Niệm xứ tức là bốn quán niệm xứ (bốn chỗ thường quán sát nhớ nghĩ) cũng gọi là bốn niệm trú (người tu hành y cứ bốnquán niệm này mà an trú): 1. quán thân bất tịnh. 2. quán hưởng thọ là khổ. 3. quán tâm vô thường. 4. quán tất cả các pháp vô ngã.

Chánh cần tức là tứ chánh cần (bốn món siêng năng chơn chánh) lại có tên là tứ chánh đoạn: 1. những điều ác đã sanh phải kíp trừ bỏ. 2. những điều ác chưa sanh cần phải không cho sanh. 3. những điều thiện chưa sanh cần phải chóng sanh. 4. những điều thiện đã sanh phải làm cho tăng trưởng. Dứt sạch biếng nhác, Cho nên, gọi là chánh đoạn.

Thần túc tức là bốn món thần túc (thần thông) cũng có tên là bốn món như ý túc (thần thông như ý): 1. niệm (nhớ nghĩ). 2. dục (ưa muốn). 3. tấn (tinh tấn). 4. huệ (trí huệ). Chúng được bốn món thần túc này tức là được chỗ nguyện như ý, lại hay phát khởi các pháp thần thông, Cho nên, gọi là thần túc.

Năm căn: 1. tín (lòng tin). 2. tấn (siêng năng). 3. niệm (nhớ nghĩ). 4. định (thiền định). 5. huệ (trí huệ). Năm lực: tức là năm căn trên, nhờ rèn luyện làm cho có khí lực, nên gọi là năm lực. “Năm căn” là nói về căn cứ tu hành; “Năm lực” là nói về lực lượng tu hành đối trị.

Giác chi tức là bảy món giác ngộ: 1. trạch pháp (lựa chọn các pháp chơn ngụy). 2. tinh tấn (siêng năng). 3. hỷ (vui mừng). 4. khinh an (nhẹ nhàng). 5. niệm (nhớ nghĩ). 6. định (thiền định). 7. hành xả (lòng tu hành bình đẳng khôngvướng mắc)

Chánh đạo tức là tám đường chơn chánh, cũng gọi là tám đường thánh: 1. chánh kiến (kiến giác chơn chánh). 2. chánh tư duy (suy nghĩ chơn chánh). 3. chánh ngữ (nói phô chơn chánh). 4. chánh nghiệp (hành vi chơn chánh). 5. chánh mạng (sanh hoạt chơn chánh). 6. chánh tinh

tấn (siêng năng việc chơn chánh). 7. chánh niệm (nhớ nghĩ chơn chánh). 8. chánh định (thiền định chơn chánh). Tu theo tám pháp này thì tránh được tà vạy, Cho nên, gọi là CHÁNH. Nhờ vậy mà đi đến cảnh giới niết-bàn, Cho nên, gọi là ĐẠO. Tổng cộng là ba mươi bảy phẩm, nếu Bồ tát dùng thập thiện nghiệp làm căn bản, mà tu theo các pháp này thì mau chứng được tất cả các công đức, viên mãn quả an vui vĩnh viễn.

C. NÓI RỘNG THÊM

Long vương nên biết, mười nghiệp thiện này, hay làm cho thập lực, tứ vô úy, mười tám pháp bất cộng, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Vậy nên các người phải siêng tu học.

Thập lực, Tứ vô sở úy và Mười tám pháp bất cộng là những pháp đặc biệt chỉ quả vị Phật mới có mà thôi. Đoạn này nói rộng ra đều căn cứ vào thập thiện nghiệp mà tất cả các hạnh thù thắng cho đến quả vị Phật đều được trang nghiêm viên mãn, và khuyên tất cả phải siêng năng tu học.

CHƯƠNG V: KẾT LUẬN – SỰ THÙ THẮNG

CỦA THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Long vương! Ví như tất cả thành ấp, xóm, làng đều y đại địa mà được an trú, tất cả trăm hoa cây cỏ bụi rừng, cũng nương đại địa ấy mà được sanh trưởng; Thập thiện nghiệp đạo lại cũng như thế, tất cả như thiên y vào đó mà an lập, tất cả Thanh văn, Độc giác bồ-đề, các Hạnh bồ-tát, tất cả Phật pháp đều chưng y vào đại địa Thập thiện này mà được thành tựu.

Đây là nói rõ công đức thù thắng của thập thiện nghiệp đạo làm căn bản cho tất cả thiện pháp, không thể nào một giây lát mà rời được, Cho nên, dùng đại địa làm ví dụ. Nếu rời thập thiện mà muốn tu hành chứng

quả, cũng như dựng lâu đài hoặc trồng cây cỏ ở giữa hư không, muốn thành tựu kết quả không sao có được.

ĐOẠN III: LƯU THÔNG

Phật dạy kinh này rồi, Ta-kiệt-la Long vương và toàn thể đại chúng, tất cả thế gian, thiên, nhân, a-tu-la thấy đều hoan hỷ tín, thọ, phụng hành.

Đoạn này của người kiết tập chép lại. Ta-kiệt-la Long vương là người chủ duyên khởi kinh này. A-tu-la Tàu dịch là “phi thiên” (không phải trời nghĩa là giống như trời mà không phải trời). Câu “đều hoan hỷ tín, thọ, phụng hành” theo lời Phật dạy, tất cả các kinh phải kết thành như thế. Tiêu biểu pháp Phật dạy không phải như lời lý luận của phàm phu, nói rồi là rồi, mà cần phải vâng theo lời nói ấy thiết thực tu hành. Nhưng người nghe pháp cần phải phát lòng hoan hỷ mới sanh lòng tín, có lòng tín mới hay lãnh thọ, có ý lãnh thọ mới hay vâng theo pháp mà thật hành. Cho nên, câu “hoan hỷ tín, thọ, phụng hành” ta cần phải chú ý.